TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 402/2026/QĐST-HNGĐ	*Khánh Hòa, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 482/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Thu T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn L, phường B.

- Bị đơn: Ông **Trần Trung T1,** sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn L, phường B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Bùi Thị Thu T và ông Trần Trung T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thu T và ông Trần Trung T1 thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao 02 con chung Trần Bùi Mỹ T2 sinh năm 2009 và Trần Bùi Mỹ T3 sinh năm 2016 cho bà T trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở

hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Trần Trung T1 và bà Bùi Thị Thu T mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ông Trần Trung T1 phải nộp 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà T tự nguyện nộp thay án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho ông T1. Như vậy, bà T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004505 ngày 28/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà. Bà T đã nộp đủ án phí.

Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND phường Bắc Nha Trang (CNKH số 134, ngày 18/11/2004 tại UBND phường Vĩnh Hải, Tp. Nha Trang)
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Cát Hoàng Trân